

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước áp lực chốt lời sau khi Vnindex chạm ngưỡng kháng cự quan trọng 1200 điểm trong phiên

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến giằng co trong phiên hôm nay sau khi thị trường cơ sở ở sát đỉnh 2018

[Thông tin doanh nghiệp]

VJC, DPM

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn (lưu ý vùng hỗ trợ quanh 1160)

13/01/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,186.05	-0.52
VN30	1,164.57	-0.38
HĐTL VN30F1M	1,192.00	+0.01
HNXIndex	222.49	+0.23
HNX30	357.06	+0.45
UPCoM	77.93	+0.05
USD/VND	23,065	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.30	-5
Lãi suất qua đêm (%)	0.13	+5
Dầu (WTI, \$)	53.40	+0.36
Vàng (LME, \$)	1,854.82	+0.00

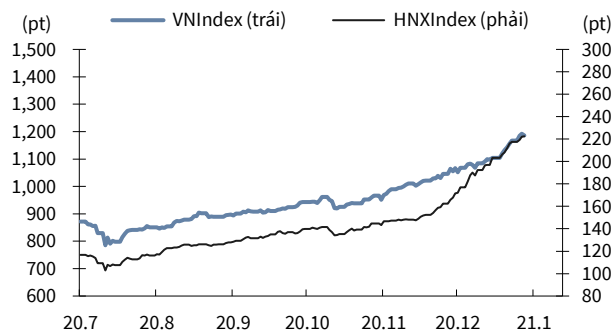


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,186.05 (-0.52%)
KLGD (triệu CP)	747.2 (+16.4%)
GTGD (triệu US\$)	788.8 (+15.1%)
HNXIndex	222.49 (+0.23%)
KLGD (triệu CP)	197.2 (+19.1%)
GTGD (triệu US\$)	130.3 (+27.3%)
UPCoM	77.93 (+0.05%)
KLGD (triệu CP)	60.8 (-4.5%)
GTGD (triệu US\$)	37.4 (-2.9%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-14.9

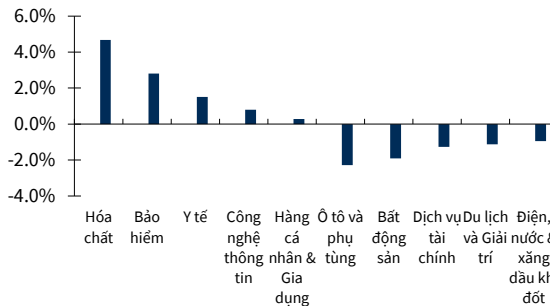
TTCK Việt Nam giảm điểm trước áp lực chốt lời sau khi Vnindex chạm ngưỡng kháng cự quan trọng 1200 điểm trong phiên. Theo Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2021 sẽ đạt khoảng 9.7 tỷ USD (+10% YoY), trong đó, riêng tôm chế biến đạt kim ngạch từ 4 – 4.4 tỷ USD (15% YoY) tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm thủy sản như TS4 (+6.5%), MPC (+2%). Báo cáo tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Giám đốc Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia cho biết, trong năm 2021 sẽ cắt giảm khoảng 1.3 tỷ kWh năng lượng tái tạo khiến cổ phiếu nhóm điện tái tạo giảm giá ở ASM (-1.1%), PC1 (-0.2%). Cổ phiếu nhóm nhựa giảm giá ở DAG (-1.9%), AAA (-0.6%) trước thông tin từ Hiệp hội Nhựa Việt Nam, việc tăng cước vận tải biển lên gấp 3-4 lần trong thời gian vừa qua gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các doanh nghiệp ngành nhựa, làm giảm doanh số xuất khẩu. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh ở HPG (-0.5%), VND (-2.4%), SSI (-1.8%).

VNIndex & HNXIndex



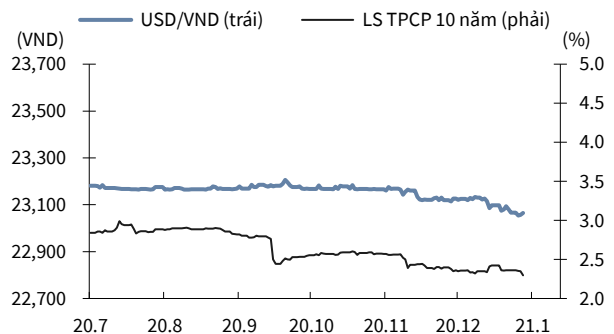
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



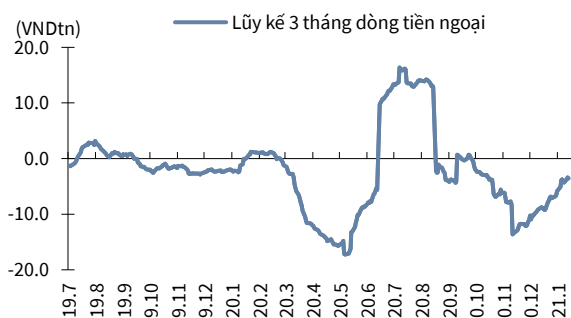
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

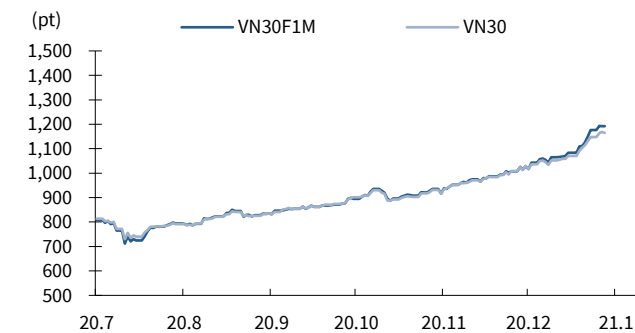
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,164.57 (-0.38%)
VN30F1M	1,192.0 (+0.01%)
Mở cửa	1,195.0
Cao nhất	1,201.6
Thấp nhất	1,179.0

HĐTL diễn biến giằng co trong phiên hôm nay sau khi thị trường cơ sở ở sát đỉnh 2018. Chênh lệch F2101 và VN30 mở cửa ở mức 24.97 và giao động quanh ngưỡng 21.4 và 27.6 trước khi đóng cửa ở ngưỡng 27.43. NĐTNN mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản giảm nhẹ.

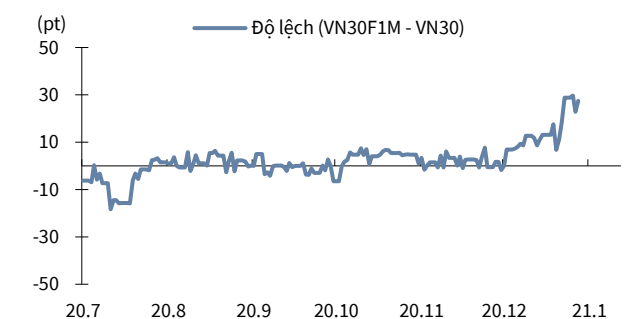
KLGD (HĐ)	151,911 (-6.0%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



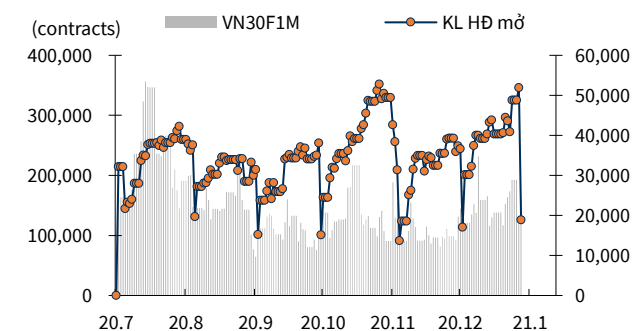
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



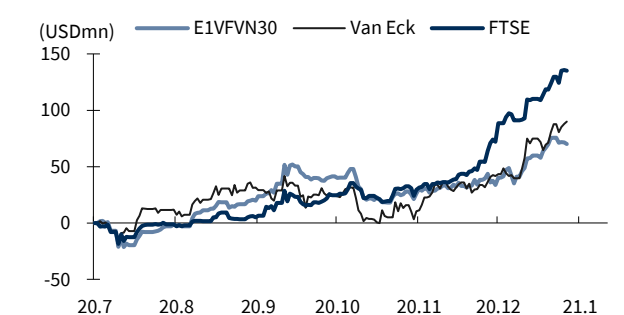
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

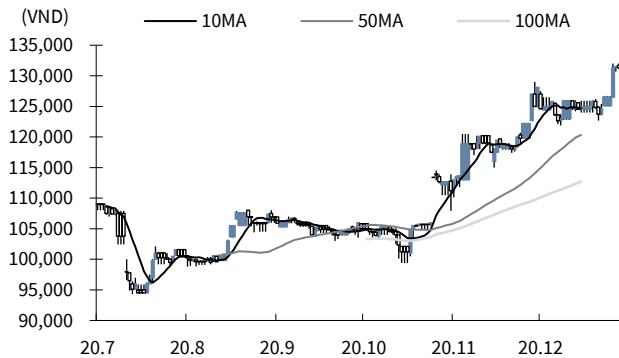
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

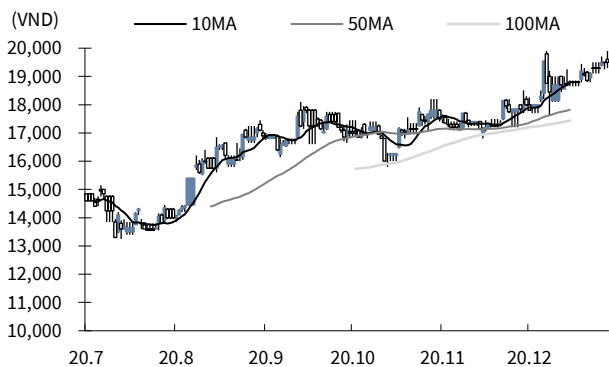
Vietjet (VJC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC giảm -0.2% xuống 131,300 VNĐ/cp.
- VJC công bố kết thúc đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp trung dài hạn bắt đầu triển khai từ đầu tháng 12/2020, với tổng giá trị huy động thành công là 650 tỷ đồng.
- Trước đó, VJC cũng đã phát hành 6,5 triệu trái phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động tương đương 650 tỷ đồng.

Đạm Phú Mỹ (DPM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPM đi ngang đóng cửa ở 19,500 VNĐ/cp.
- DPM thông báo chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 7%, ngày đăng ký cuối cùng vào 26/1 và thời gian thanh toán dự kiến từ ngày 19/2, nguồn được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020.
- Năm 2021, Đạm Phú Mỹ đặt mục tiêu kinh doanh với lợi nhuận sau thuế 365 tỷ đồng (-16% YoY), doanh thu là 8,331 tỷ đồng (-10% YoY), tỷ lệ cổ tức dự kiến 10%.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

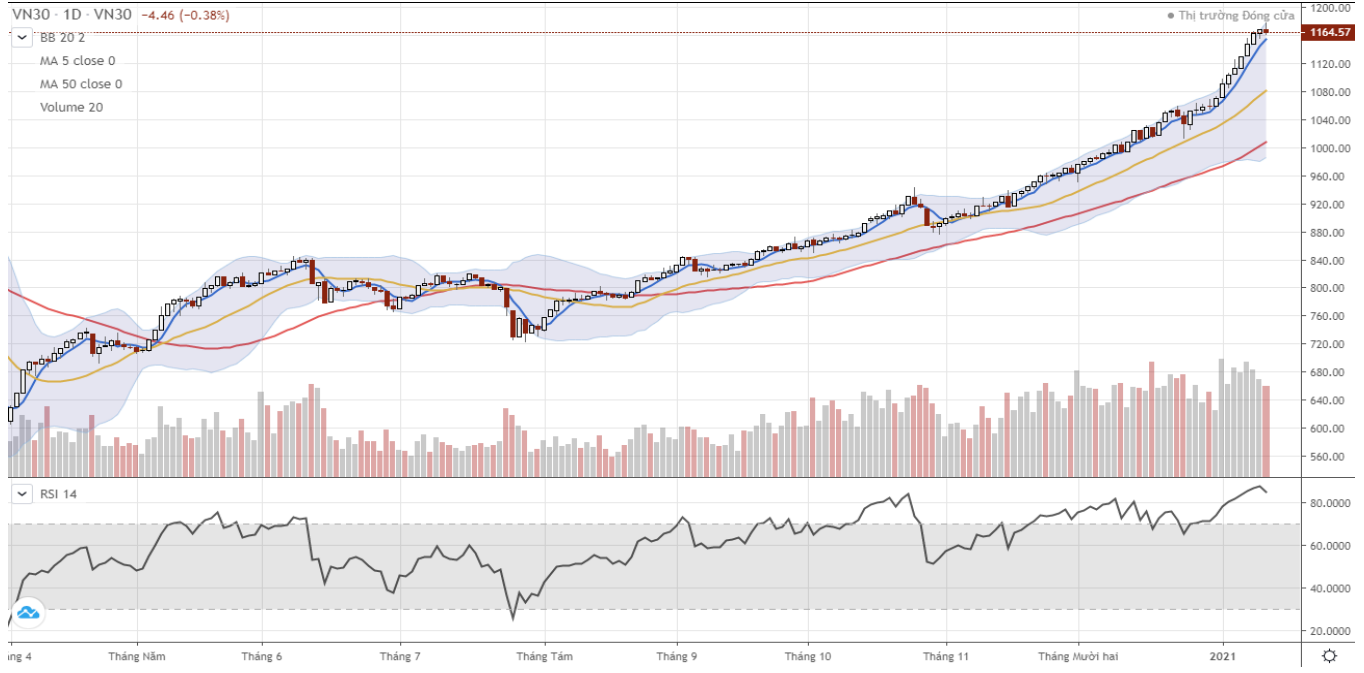
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



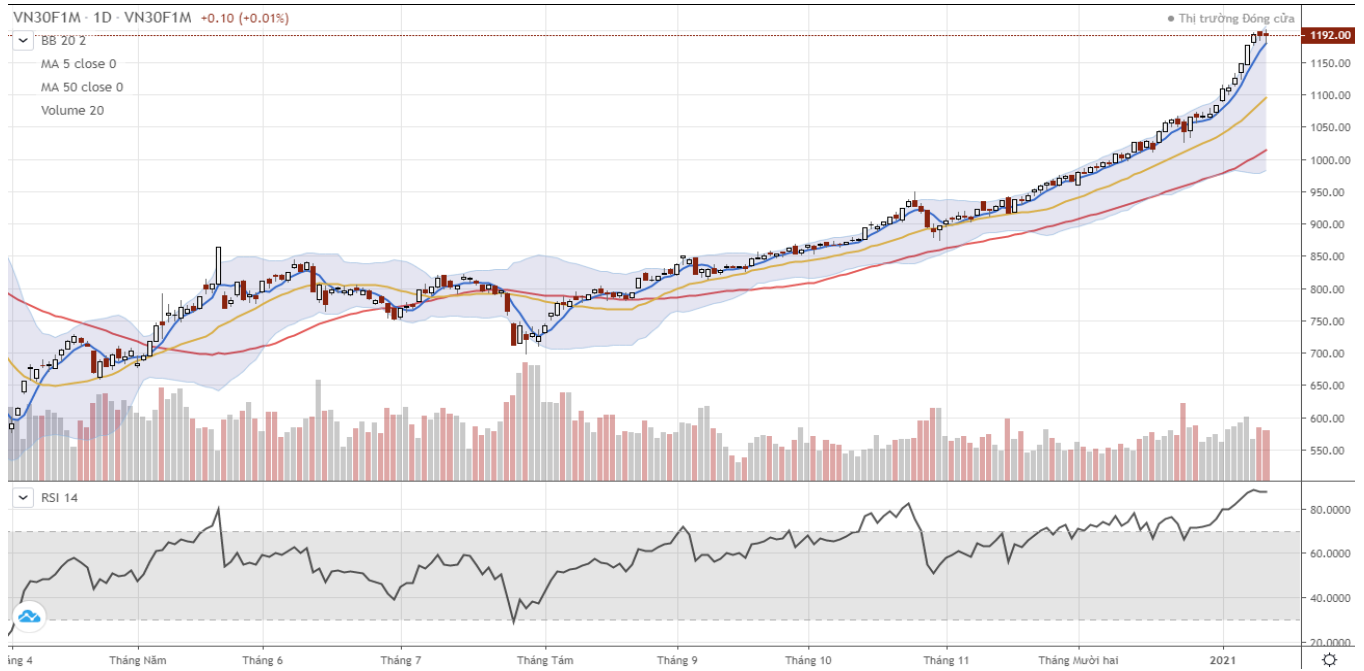
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm co trong phiên sáng trước khi đảo chiều giảm điểm vào phiên chiều, kết thúc chuỗi tăng điểm kéo dài.
- Với việc xuất hiện mẫu nến bearish engulfing cùng với mẫu nến hanging man phiên trước đó, chúng tôi cho rằng chỉ số đang đối mặt với rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Tuy nhiên, xu hướng tăng vẫn đang đóng vai trò chủ đạo và chỉ số sẽ sớm quay lại thử thách vùng đỉnh 1200 sau nhịp điều chỉnh.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn (lưu ý vùng hỗ trợ quanh 1160)

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1205 - 1209

Kháng cự gần: 1196 - 1198

Hỗ trợ gần: 1186 - 1188

Hỗ trợ xa: 1165 - 1170

- F1 diễn biến giằng co trong phiên hôm nay, hình thành mẫu nến hanging man.
- Diễn biến rung lắc cho thấy xung lực có phần suy yếu của chỉ số nhưng rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh chỉ được xác nhận nếu có thêm 1 phiên giảm điểm vào ngày mai.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ nhịp điều chỉnh rõ nét trước khi mở lại vị thế LONG qua đêm.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

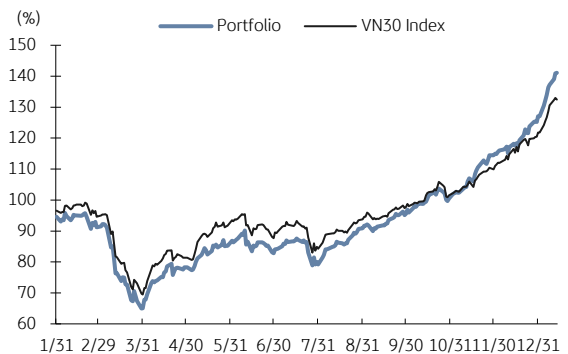
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.38%	0.13%
Tăng lũy kế (YTD)	32.48%	41.10%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	126,200	0.0%	8.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	33,000	-2.9%	34.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,700	-0.2%	7.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	26,000	-0.6%	53.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	53,200	0.2%	56.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	66,500	1.1%	98.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	38,650	0.4%	58.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,000	-0.6%	26.7%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	44,700	-0.4%	128.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbác City Development (KBC)	09/03/2020	31,200	4.5%	127.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	0.3%	5.9%	205.0
FUEVFNVD	-0.5%	100.0%	172.3
E1VFN30	-1.1%	98.7%	85.5
VRE	-1.4%	31.2%	52.4
HDB	0.4%	17.2%	39.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.5%	32.8%	-290.6
VND	-2.4%	29.3%	-88.0
SSI	-1.8%	45.7%	-75.5
VSC	2.6%	25.9%	-56.7
CTG	0.4%	28.9%	-54.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.4%	7.3%	-2.6
VCS	-1.2%	3.4%	-0.4
IDV	-1.8%	17.1%	0.6
MBG	6.4%	0.3%	0.4
BTS	-1.7%	0.1%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	1.6%	6.5%	-35.2
PVS	-1.9%	10.7%	-30.6
BVS	-2.6%	16.6%	-2.7
IDJ	-3.0%	4.5%	-1.5
VNR	9.6%	28.0%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	9.2%	TCH, DRC
Hóa chất	9.1%	PHR, HRC
Du lịch và Giải trí	7.3%	HVN, VJC
Công nghệ thông tin	6.2%	FPT, SAM
Bất động sản	5.2%	VHM, NVL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-0.8%	PNC, YEG
Dịch vụ tài chính	1.1%	VCI, SSI
Ngân hàng	1.4%	BID, VCB
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.4%	BWE, CHP
Xây dựng và Vật Liệu	2.9%	VGC, CEE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	29.0%	HRC, DCM
Dịch vụ tài chính	27.5%	SSI, VCI
Ô tô và phụ tùng	18.8%	TCH, HHS
Bảo hiểm	18.5%	BVH, BMI
Công nghệ thông tin	16.9%	FPT, CMG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	1.3%	YEG, AAA
Du lịch và Giải trí	5.1%	VNG, HOT
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.7%	APH, TDP
Thực phẩm và đồ uống	5.8%	VHC, VCF
Y tế	6.1%	PME, SPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	111,100	375,788 (16,293)	107,440 (4.7)	22.8	66.6	45.6	14.2	6.4	8.5	3.9	3.6	-2.9	0.8	4.0	2.7
	VHM	VINHOMES JSC	100,900	331,912 (14,390)	259,443 (11.2)	26.8	12.5	10.6	34.2	36.8	30.9	3.9	2.9	-2.4	6.4	18.7	12.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	36,200	82,258 (3,566)	302,811 (13.1)	17.8	36.3	26.2	-11.8	8.2	10.8	2.8	2.7	-1.4	9.0	26.6	15.3
	NVL	NO VA LAND INVES	75,600	74,563 (3,233)	318,224 (13.8)	32.4	19.4	18.5	3.1	14.7	13.5	2.8	2.4	0.3	13.3	18.3	14.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	32,800	18,329 (795)	50,966 (2.2)	11.0	16.9	14.7	13.9	14.0	15.1	2.3	2.1	-1.5	9.3	17.4	11.9
	DXG	DAT XANH GROUP	17,600	9,122 (395)	136,001 (5.9)	13.6	16.2	8.8	-54.0	4.3	13.6	1.3	1.1	-0.3	3.2	18.9	10.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	104,800	388,690 (16,852)	91,931 (4.0)	6.2	24.1	20.0	10.8	19.2	19.2	4.1	3.4	-0.8	-0.2	7.8	7.0
	BID	BANK FOR INVESTM	48,450	194,867 (8,449)	118,279 (5.1)	12.6	34.8	21.9	-7.2	9.3	12.2	2.4	2.2	-0.6	-0.7	5.8	1.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	35,150	123,197 (5,341)	547,027 (23.7)	0.0	11.0	9.5	9.3	16.8	16.4	1.7	1.4	0.1	5.9	37.0	11.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	38,650	143,910 (6,239)	318,058 (13.8)	1.1	15.3	11.5	31.2	12.6	14.8	1.7	1.5	0.4	2.1	11.2	11.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	35,700	87,635 (3,799)	199,119 (8.6)	0.0	9.6	8.3	10.5	19.0	18.5	1.7	1.4	2.3	3.8	26.1	9.8
	MBB	MILITARY COMMERC	26,000	72,768 (3,155)	468,010 (20.3)	0.0	9.1	8.0	12.5	18.8	17.9	1.5	1.3	-0.6	2.8	22.0	14.1
	HDB	HDBANK	26,850	42,793 (1,855)	145,916 (6.3)	4.3	9.5	8.0	24.7	19.2	19.0	1.7	1.4	0.4	4.7	20.7	13.1
	STB	SACOMBANK	19,500	35,171 (1,525)	474,332 (20.5)	14.2	20.1	15.7	11.5	7.1	8.4	1.3	1.2	-1.5	8.3	23.4	15.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,600	28,474 (1,234)	79,265 (3.4)	0.0	8.4	7.8	34.8	22.3	19.9	1.7	1.4	-1.4	-1.4	23.8	3.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	21,500	26,433 (1,146)	11,792 (0.5)	0.0	31.0	35.4	13.6	5.3	4.4	1.6	1.5	6.4	4.9	25.7	11.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	70,400	52,260 (2,266)	88,569 (3.8)	20.7	41.6	33.4	4.0	6.6	8.2	2.6	2.5	3.2	5.9	22.4	6.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	33,300	3,042 (132)	24,106 (1.0)	15.0	18.2	16.0	9.7	8.5	9.4	1.3	1.3	-0.6	4.1	9.9	8.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,500	20,067 (870)	383,004 (16.6)	54.3	17.4	16.3	-4.1	10.3	11.7	-	-	-1.8	-1.5	42.3	1.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	59,000	9,770 (424)	82,997 (3.6)	72.3	-	-	-	11.1	13.0	-	-	-2.3	-3.3	35.3	1.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,850	9,716 (421)	159,011 (6.9)	52.6	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-1.4	0.8	16.0	1.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	28,950	6,037 (262)	122,253 (5.3)	19.7	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-2.4	-3.3	41.9	-3.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	114,500	239,264 (10,373)	291,646 (12.6)	42.2	23.1	21.0	6.8	38.9	39.1	8.1	7.4	-1.5	4.3	1.7	5.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	207,100	132,809 (5,758)	23,694 (1.0)	36.9	31.3	25.5	3.5	22.4	24.9	6.4	5.7	0.8	4.3	1.2	6.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	93,300	109,598 (4,752)	136,458 (5.9)	15.4	100.9	41.4	-52.5	3.5	8.8	3.5	3.2	-0.7	5.7	10.4	4.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	16,000	17,737 (769)	125,889 (5.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.6	-0.6	10.7	10.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,300	68,780 (2,982)	83,808 (3.6)	11.3	-	31.5	-	-4.3	14.1	4.8	4.2	-0.2	6.1	7.4	5.0
	GMD	GEMADEPT CORP	35,900	10,819 (469)	159,631 (6.9)	10.3	26.3	24.2	-53.1	7.1	7.5	1.8	1.7	-1.2	7.5	15.4	10.1
	CII	HO CHI MINH CITY	24,150	5,768 (250)	67,316 (2.9)	41.6	12.7	11.9	136.8	9.1	8.9	1.1	1.0	-0.6	8.3	28.8	12.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,070	1,743 (076)	32,669 (1.4)	46.3	-	-	-	-	-	-	-	7.0	25.8	41.5	21.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	24,000	11,567 (502)	233,195 (10.1)	37.0	32.9	13.8	-17.7	11.3	12.4	-	-	-1.8	3.2	15.4	6.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	84,200	6,424 (279)	104,957 (4.5)	3.2	12.9	11.7	-40.4	6.3	6.5	0.8	0.7	0.1	10.5	19.4	8.4
	REE	REE	53,200	16,442 (713)	28,239 (1.2)	0.0	11.1	9.8	-8.7	13.4	13.6	1.4	1.3	0.2	6.4	12.0	8.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	93,000	177,997 (7,717)	92,758 (4.0)	45.9	21.8	18.2	-14.9	17.0	19.3	3.6	3.6	-0.6	2.9	8.0	7.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	25,300	7,283 (316)	19,751 (0.9)	30.1	11.5	10.7	-8.4	13.7	16.9	1.8	1.7	-1.7	2.6	7.2	2.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,400	8,144 (353)	9,489 (0.4)	33.7	10.6	9.8	-17.4	13.1	14.4	1.4	1.4	-2.7	3.9	4.5	3.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	44,700	148,104 (6,421)	800,730 (34.7)	16.2	12.8	10.2	15.5	21.1	22.1	2.7	2.2	-0.4	4.4	15.2	7.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	19,500	7,631 (331)	70,040 (3.0)	36.2	10.8	11.8	8.0	9.7	8.9	0.9	0.9	0.0	3.4	9.2	3.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,250	7,544 (327)	62,567 (2.7)	46.0	13.3	17.5	-2.1	10.1	7.8	1.2	1.2	-0.3	1.4	14.0	1.8
	HSG	HOA SEN GROUP	25,250	11,219 (486)	187,671 (8.1)	37.4	9.7	8.8	67.9	15.9	15.5	1.5	1.3	0.6	6.5	22.0	14.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	15,400	3,415 (148)	57,205 (2.5)	96.8	8.4	9.0	38.5	11.7	10.1	1.0	0.9	-0.6	5.8	18.9	6.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	57,000	69,472 (3,012)	50,329 (2.2)	4.3	61.6	20.7	-43.1	5.1	14.9	2.9	2.8	-0.5	3.1	7.5	4.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	21,000	8,844 (383)	178,810 (7.7)	39.6	66.9	66.0	-6.2	0.9	0.9	0.7	0.7	-1.9	19.7	55.0	29.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	15,050	4,871 (211)	56,188 (2.4)	34.8	9.5	9.2	-8.6	11.1	10.4	0.9	0.8	-1.6	4.2	13.6	7.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	126,200	57,119 (2,476)	137,084 (5.9)	0.0	14.7	11.3	13.2	28.5	29.0	3.7	2.9	0.0	4.0	10.4	6.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,700	18,810 (816)	56,238 (2.4)	0.0	19.3	15.7	3.4	21.5	22.5	3.7	3.2	-0.2	1.8	6.8	2.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,100	1,442 (063)	1,603 (0.1)	70.5	19.4	14.1	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	0.2	-0.6	3.1	0.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	34,300	2,709 (117)	88,297 (3.8)	30.9	81.8	24.4	-48.9	2.8	9.3	2.2	2.2	0.3	5.5	34.8	7.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	69,500	9,417 (408)	66,654 (2.9)	35.1	10.7	9.8	29.5	35.5	32.6	-	-	-0.6	7.1	12.1	10.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	109,000	14,251 (618)	1,143 (0.0)	45.3	19.0	18.7	13.6	21.4	20.3	3.7	3.5	3.0	2.5	3.6	4.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,000	5,626 (244)	817 (0.0)	11.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-1.3	-3.8	-2.0
IT	FPT	FPT CORP	66,500	52,130 (2,260)	128,487 (5.6)	0.0	15.4	13.1	19.4	23.5	25.1	3.2	2.8	1.1	6.6	16.7	12.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.